

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm y tế), Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động-TB&XH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 38/TTr-LĐTBXH ngày 24/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm y tế), Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Bảo hiểm xã hội cấp huyện; Chủ tịch UBND

huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KSTT.

Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + CVP, PCVP Bùi Huy Khánh;
- + TKCT, TTPVHCC, KG-VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI (BẢO HIỂM Y TẾ), NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BẮC GIANG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****A. Thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm y tế)**

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Bảo hiểm xã hội cấp huyện	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)
1	1	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý								
	1.1	Đối với đối tượng đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công với cách mạng, Cơ sở trợ giúp xã hội	MC	10 ngày	10 ngày		Không quy định	x	x	
	1.2	Đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	MC	10 ngày	10 ngày		Không quy định	x	x	

	1.3	Đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng	MCLT	15 ngày		10 ngày	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện: 5 ngày	Không quy định	x	x	
--	-----	--	------	---------	--	---------	----------------------------------	----------------	---	---	--

Ghi chú: Cơ chế giải quyết: MC: cơ chế một cửa; MCLT: cơ chế một cửa liên thông
Thời gian giải quyết: Ngày làm việc

B. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Người có công

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú	
				UBND cấp xã	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	1	Hưởng thẻ Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH	MCLT	18 ngày	05 ngày	UBND cấp huyện: 13 ngày	Không			TTHC số 29, mục III, Phụ lục 04 Quyết định số 105/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang ngày 17/02/2020

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Theo Quyết định số 516/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2020
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Thủ tục hành chính cấp huyện

1. Thủ tục Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với đối tượng đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công với cách mạng, Cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi là Cơ sở nuôi dưỡng):

- Bước 1: Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách (theo Mẫu số 2 quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội huyện.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận danh sách, cơ quan bảo hiểm xã hội huyện kiểm tra và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng.

- Bước 3: Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện chuyển danh sách kèm theo thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng cho Cơ sở nuôi dưỡng.

b) Đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý:

- Bước 1: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập danh sách (theo Mẫu số 2 quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội huyện.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận danh sách, cơ quan bảo hiểm xã hội huyện kiểm tra và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng.

- Bước 3: Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện chuyển danh sách kèm theo thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng cho Cơ sở giáo dục nghề nghiệp để bàn giao cho đối tượng.

* **Ghi chú:** Đối với đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng, việc lập danh sách sẽ do người làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã hoặc người được phân công thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH thực hiện, cụ thể:

- Bước 1: Người làm công tác Lao động-Thương binh và Xã hội cấp xã hoặc người được phân công căn cứ vào Điều 5 của Thông tư này để rà soát, thống kê và lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã duyệt.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi danh sách đã được phê duyệt cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) và cơ quan bảo hiểm xã hội huyện;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách, cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội huyện rà soát, kiểm tra danh sách.

Trường hợp phát hiện sai đối tượng hoặc thông tin của đối tượng không đầy đủ, thì cơ quan chuyên môn về lao động cấp huyện chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại danh sách.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận danh sách, cơ quan bảo hiểm xã hội huyện thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng.

Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện chuyển danh sách kèm theo thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng cho Ủy ban nhân dân cấp xã để bàn giao cho đối tượng.

- Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện phải gửi danh sách đối tượng đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua mạng (nếu điều kiện cho phép).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một).

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở nuôi dưỡng.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ bảo hiểm y tế.

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi

dưỡng hoặc đang theo học tại Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

- Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý./.

BHXH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ
 Năm 20...

(Kèm theo công văn số.... /... ngày... tháng... năm ... của BHXH...)

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới	Địa chỉ	Số thẻ BHYT đã phát hành trong năm	Nơi đăng ký KCB ban đầu
1	Nguyễn Văn A						
2							
3							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

... ngày.... tháng....năm....
GIÁM ĐỐC
 (Ký, ghi rõ họ và tên)